TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CR** **THÀNH PHỐ CT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bán số: 09/2023/DS-ST.
Ngày: 31.01.2023.
Về: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

Ông **Nguyễn Văn Mến**.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT tham gia phiên tòa*: Ông **Võ Thị Nhu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2022/TLST- DS, ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXX-ST, ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS ngày 09/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (VIB)**.

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower – 111A Pasteur, phường Bến N, Quận 1, thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hàn Ngọc V** – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Trung T, ông Trần Văn Q và ông Bùi Phúc V. (Giấy ủy quyền ngày 15/9/2022).

Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà Paxsky, số 26 đường Ung Văn K, Phường 25, quận Bình T, thành phố HCM. (Có mặt).

Bị đơn: Bà **Hồ Thị Phương N**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 59 đường B2, khu dân cư Thiên L, khu vực Thạnh P, phường PT, quận CR, thành phố CT. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2022 và bản tự khai ngày 20/12/2022 nguyên đơn* Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (gọi tắt là VIB) – *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn Q trình bày*:

Ngày 22/01/2021 Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (gọi tắt là VIB) – Chi nhánh CT có ký với bà Hồ Thị Phương N hợp đồng tín dụng số 3296978.21 để cho bà N vay số tiền là 357.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu đồng), mục đích vay là để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI XPANDER GLX, thời hạn vay 84 tháng (từ ngày 23/11/2021 đến ngày 22/01/2028). Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, hết thời hạn ưu đãi thì lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 05/02/2021, mỗi kỳ trả 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), số còn lại trả vào cuối kỳ. Hoàn trả lãi vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 05/02/2021, trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3296978 (1).21 ngày 22/01/2021 với số tiền 357.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu đồng) theo đúng yêu cầu của bà Hồ Thị Phương N và hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngoài ra, nguyên đơn có ký Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 3296978(2).21 ngày 15/9/2021 với nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều khoản tại Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ (KUNN) số 3296978(1).21 ngày 22/01/2021 như sau: Sửa đổi điểm a,b mục 7 "Số tiền/ngày hoàn trả" "của" nhu sau: Từ "Số tiền/ ngày hoàn trả: Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 05/02/2021. Mỗi kỳ trả 4.250.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả lãi: Vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 05/02/2021" thành: Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Vào ngày 05 hàng tháng, trả làm 84 tháng, cụ thể: Từ ngày 05/02/2021 đến ngày 05/8/2021: Đã thanh toán; Từ ngày 06/9/2021 đến ngày 06/12/2021 (4 kỳ): Gia hạn không trả gốc (số dư nợ gốc của từng phân kỳ sẽ hoàn trả lại trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày đến hạn của từng phân kỳ trả nợ gốc tương ứng); Từ ngày 05/01/2022 đến ngày 05/8/2022: Mỗi kỳ trả 4.250.000 đồng; Từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/12/2022: Mỗi kỳ trả 8.500.000 đồng; Từ ngày 05/01/2023 đến ngày 06/12/2027: Mỗi kỳ trả 4.250.000 đồng. Ngày trả lãi: Trả lãi vào ngày 05 hàng tháng (trong đó, gia hạn không trả lãi trong 04 kỳ từ ngày 06/9/2021 đến ngày 06/12/2021, số tiền này sẽ được chia đều và hoàn trả trong 12 tháng tiếp theo cùng với tiền lãi phát sinh của các kỳ đó, bắt đầu từ 05/01/2022 đến 05/12/2022).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán được số nợ gốc và lãi là 97.797.146 đồng (trong đó trả gốc là 63.750.000 đồng và trả lãi được 34.047.146 đồng) thì đến nay không trả bất cứ khoản tiền nào nữa.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nên nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn tất toán nợ vay nhưng bị đơn không thực hiện. Vì

vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/12/2022 là 334.119.746 đồng (trong đó: nợ gốc là 293.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.973.800 đồng và lãi quá hạn là 34.895.947 đồng). Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sẽ được tính tiếp từ ngày 21/12/2022 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn.

* Bị đơn bà Hồ Thị Phương N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 31/01/2023 là 340.547.947 đồng (trong đó: Nợ gốc 293.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.973.800 đồng và lãi quá hạn 41.324.147 đồng). Đồng thời, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sẽ được tính tiếp từ ngày 01/02/2023 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải và công bố chứng cứ. Bị đơn vắng mặt không lý do. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất kỳ văn bản nào ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét thì đây là quan hệ pháp luật về "*tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét thấy*: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng số 3296978.21 ngày 22/01/2021, mục đích vay là để mua xe ô tô MITSUBISHI, XPANDER GLX, biển kiểm soát 65A-280.09, đã đứng tên Hồ Thị Phương Nhi. Việc ký kết hợp đồng là trên cơ sở tự nguyện và thời điểm ký kết thì bị đơn có đủ năng lực pháp lý để hiểu rõ khi ký vào hợp đồng tín dụng là phải thực hiện đúng

theo các điều khoản trong hợp đồng tín dụng này. Vì vậy, từ khi vay đến nay bị đơn đã thanh toán được tổng số tiền gốc và lãi là 97.797.146 đồng (trong đó trả gốc là 63.750.000 đồng và trả lãi được 34.047.146 đồng) thì không còn trả bất cứ khoản tiền nào nữa. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 31/01/2023 với tổng số tiền là 340.547.947 đồng (trong đó: Nợ gốc là 293.250.000 đồng, lãi trong hạn 5.973.800 đồng và lãi quá hạn 41.324.147 đồng). Đồng thời, bị đơn phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 01/02/2023 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn.

[4] Bị đơn bà Hồ Thị Phương N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã tự nguyện ký kết và các chứng cứ khác của phía nguyên đơn cung cấp. Do bị đơn cố tình vắng mặt và không cung cấp chứng cứ nào để được Hội đồng xét xử xem xét nên căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Buộc bị đơn bà Hồ Thị Phương N có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 31/01/2023 là 340.547.947 đồng (trong đó: Nợ gốc 293.250.000 đồng, lãi trong hạn 5.973.800 đồng và lãi quá hạn là 41.324.147 đồng). Tiền lãi phát sinh sẽ tính tiếp theo hợp đồng tín dụng từ ngày 01/02/2023 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn. Thời hạn và phương thức thanh toán sẽ do Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT điều chỉnh.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 17.027.397 đồng (340.547.947 đồng x 5% = 17.027.397 đồng). Nguyên đơn được nhận lại 8.061.563 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008753 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 266, 269, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

1. *Về nợ*: Buộc bị đơn - bà **Hồ Thị Phương N** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn – **Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN** tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/01/2023 với tổng số tiền là **340.547.947** đồng, trong đó:

- Nợ gốc là: **293.250.000** đồng (tính đến ngày 31/01/2023).

- Lãi trong hạn là: **5.973.800** đồng (tính đến ngày 31/01/2023).

- Lãi quá hạn là : **41.324.147 đồng** (tính đến ngày 31/01/2023).

- Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sẽ được tính tiếp từ ngày 01/02/2023 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn.

2. *Về án phí*: Bị đơn bà Hồ Thị Phương N phải nộp số tiền là **17.027.397** đồng (Mười bảy triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại **8.061.563** đồng (Tám triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008753 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Huỳnh Thị Kim Xuân